

NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

1. Giới thiệu bài

– Có thể bắt đầu giới thiệu tiết học bằng cách trích dẫn một đoạn thơ hay của các nhà thơ hiện đại Việt Nam về tình yêu quê hương đất nước, hoặc trích dẫn một số đoạn ngắn gọn trong bài *Lòng yêu nước* của I. È-ren-bua (*Ngữ văn 6, tập hai*).

– Cùng với tình cảm gia đình thì tình yêu quê hương, đất nước, con người cũng là chủ đề lớn của ca dao, dân ca, xuyên thâm trong nhiều câu hát. Những bài ca thuộc chủ đề này rất đa dạng, có những cách diễn tả riêng, nhiều bài thể hiện rất rõ màu sắc địa phương. Tiết học đã giới thiệu bốn bài ca. Ở đây, dàn sau những câu hát đối đáp, những lời mời, lời nhắn gửi và những bức tranh phong cảnh của các vùng, miền, luôn là tình yêu chân chất, niềm tự hào sâu sắc, tinh tế đối với quê hương, đất nước, con người.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Các thiết bị, tài liệu cần thiết cho các hoạt động :

Tranh ảnh về các vùng, miền, phong cảnh đất nước được diễn tả trong các bài ca. GV giới thiệu cho HS những tranh ảnh này khi hướng dẫn đọc – hiểu từng bài.

Hoạt động 1.

- Hướng dẫn HS đọc văn bản.
- Hướng dẫn HS đọc kĩ các chú thích. Công việc này GV có thể yêu cầu HS thực hiện sau phần đọc văn bản, hoặc thực hiện khi HS đọc – hiểu từng bài ca.

Hoạt động 2.

Hướng dẫn HS trả lời, thảo luận từng câu hỏi phần Đọc – hiểu văn bản, trang 39 và 40, SGK.

Câu hỏi 1

– Ý kiến b và c là đúng. Cần yêu cầu HS giải thích tại sao lại khẳng định như vậy.

– Ý kiến b : HS phải chỉ ra được các dấu hiệu để "nhận dạng" bài 1 là bài ca có hai phần : Phần đầu là câu hỏi của chàng trai, phần hai là lời đáp của cô gái.

– Ý kiến c : HS phải nêu được một số dẫn chứng.

Câu hỏi 2

Trong bài 1, chàng trai, cô gái hỏi – đáp về những địa danh, với những đặc điểm (của từng địa danh) như vậy, vì :

– Ở chặng hát đố của các cuộc hát đối đáp, đây là một hình thức để trai, gái thử tài nhau – đo độ hiểu biết kiến thức địa lí, lịch sử, ...

– Câu hỏi và lời đáp hướng về nhiều địa danh ở nhiều thời kì của vùng Bắc Bộ. Những địa danh đó không chỉ có những đặc điểm địa lí tự nhiên, mà cả những dấu vết lịch sử, văn hoá rất nổi bật. Người hỏi biết chọn nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi. Người đáp hiểu rất rõ và trả lời đúng ý người hỏi. Hỏi – đáp như vậy là để thể hiện, chia sẻ sự hiểu biết cũng như niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương, đất nước. Chàng trai, cô gái cùng chung sự hiểu biết, cùng chung những tình cảm như thế. Đó là cơ sở và là cách để họ bày tỏ tình cảm với nhau⁽¹⁾.

(1) Bài 1 là đoạn trích từ câu hát đố khá dài, với câu kết thúc lời đố và lời đáp như sau :

– Anh hỏi em có bấy nhiêu lời

Xin em giảng rõ từng nơi, từng người (bên nam đố).

– Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời

Em xin giảng rõ từng nơi, từng người (bên nữ đáp).

– Qua lời hỏi và lời đáp, có thể thấy chàng trai và cô gái là những người lịch lãm, tế nhị.

Câu hỏi 3

Bài này in trong tập *Duyên nợ phù sinh* của Á Nam Trần Tuấn Khải. Bài thơ làm theo thể ca dao, được dân gian hoá. Nhân dân coi nó như một bài ca dao (dân gian). Đây cũng là ví dụ về mối quan hệ giữa văn học viết và văn học dân gian.

a) Phân tích cụm từ "Rủ nhau" ở bài 2.

Gợi ý : GV đặt câu hỏi : Khi nào người ta nói "rủ nhau" và nếu có thể, yêu cầu HS đọc một số bài ca khác mở đầu bằng cụm từ này để làm rõ nghĩa thêm.

– Người ta dùng cụm từ này khi :

+ Người rủ và người được rủ có quan hệ gần gũi, thân thiết.

+ Họ (người rủ và người được rủ) có chung mối quan tâm và cùng muốn làm một việc gì đó.

– Ca dao có nhiều bài mở đầu bằng cụm từ này : "Rủ nhau đi tắm hồ sen, Nước trong bóng mát hương chen cạnh mình", "Rủ nhau đi cấy đi cày, Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu". Ở bài 2 là "Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ" (Người rủ và người được rủ cùng muốn đến thăm Hồ Gươm, một thắng cảnh thiên nhiên, có giá trị lịch sử và văn hoá).

b) Cách tả cảnh của bài 2.

– Bài ca gợi nhiều hơn tả. Chỉ tả bằng cách nhắc đến Kiếm Hồ, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút. Đó cũng là những địa danh, cảnh trí tiêu biểu nhất của hồ Hoàn Kiếm.

– Địa danh và cảnh trí gợi một Hồ Gươm, một Thăng Long đẹp, giàu truyền thống lịch sử và văn hoá. Cảnh đa dạng, có hồ, cầu, có đền, đài và tháp. Tất cả hợp thành một không gian thiên tạo và nhân tạo thơ mộng, thiêng liêng. Địa danh gợi lên âm vang lịch sử và văn hoá.

GV nhắc lại truyền thuyết về Hồ Gươm và cho HS đọc chú thích về các địa danh trong bài để hiểu thêm.

Chính những địa danh, cảnh trí được nhắc đến gợi tình yêu, niềm tự hào về Hồ Gươm, về Thăng Long và đất nước. Và vì vậy, mọi người háo hức muốn "rủ nhau" đến thăm.

c) Những ý tình gợi lên từ câu hỏi cuối của bài ca "Hỏi ai gây dựng nên non nước này ?" :

– Câu hỏi rất tự nhiên, giàu âm điệu nhắn nhủ, tâm tình. Đây cũng là dòng thơ xúc động, sâu lắng nhất trong bài ca, trực tiếp tác động vào tình cảm người đọc, người nghe.

– Câu hỏi khẳng định và nhắc nhở về công lao xây dựng non nước của ông cha nhiều thế hệ. Cảnh Kiếm Hồ và những cảnh trí khác của Hồ Gươm trong bài được nâng lên tầm non nước, tượng trưng cho non nước.

– Câu hỏi cũng nhắc nhở các thế hệ con cháu phải biết tiếp tục giữ gìn và dựng xây non nước cho xứng với truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc.

Câu hỏi 4

a) Cảnh trí xứ Huế và cách tả cảnh trong bài 3

– Bài ca phác họa cảnh đường vào xứ Huế. Cảnh rất đẹp. Có non và có nước. Non thì xanh, nước thì biếc. Màu sắc toàn là màu gợi vẻ đẹp nên thơ, tươi mát, sống động. Non xanh nước biếc lại càng đẹp khi được ví với "tranh họa đồ". Ngoại ca cái gì đẹp, dân gian thường nói "Đẹp như tranh". Trương Triệu (nhà thơ cổ điển Trung Quốc, thế kỉ XVIII) trong *U mộng ảnh đã* viết : "Văn chương là sơn thuỷ trên án thư, sơn thuỷ là văn chương trên mặt đất". Cảnh sơn thuỷ trên đường vào xứ Huế là như thế ! Cảnh đẹp vừa khoáng đạt bao la, vừa quây quần. Non xanh kia, nước biếc nọ cứ bao quanh xứ Huế. Cảnh đẹp ấy do tạo hoá và bàn tay con người tạo ra.

– Đường vào xứ Huế cũng như đường đến một số địa phương khác trên đất nước ta đều rất đẹp. Đến xứ Nghệ, ta cũng gặp cảnh :

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

(GV có thể giới thiệu thêm cho HS về dí bản của ca dao với sự thay đổi địa danh trong bài.)

– Bài ca này dù có nhiều chi tiết tả cảnh nhưng gợi vẫn nhiều hơn tả. Các định ngữ và cách so sánh truyền thống đã gợi lên những cảnh đẹp sông núi có đường nét, màu sắc sinh động của con đường thiên lí vào xứ Huế.

b) Đại từ phiếm chỉ "Ai" trong lời mời, lời nhắn gửi "Ai vô xứ Huế thì vô" – cũng như trong nhiều bài ca khác – thường có rất nhiều nghĩa. Nó có thể là số ít hoặc số nhiều, có thể chỉ người mà tác giả bài ca trực tiếp nhắn gửi hoặc hướng tới người chưa quen biết.

Lời mời, lời nhắn gửi đó, một mặt, thể hiện tình yêu, lòng tự hào đối với cảnh đẹp xứ Huế, mặt khác như muốn chia sẻ với mọi người về cảnh đẹp và tình yêu, lòng tự hào đó. Lời mời đến thăm xứ Huế, phải chăng, còn là lời thể hiện ý tình kết bạn rất tinh tế và sâu sắc.

Câu hỏi 5

Để gợi ý tìm hiểu những điểm đặc biệt về từ ngữ của hai dòng thơ đầu trong bài 4, GV yêu cầu HS quan sát số lượng từ, quan sát điệp ngữ, trật tự từ và sự đối xứng của chúng, nêu tác dụng, ý nghĩa của những biện pháp nghệ thuật này. Có mấy ý chính sau đây, cần chú ý :

- Những dòng thơ này, khác dòng thơ bình thường, được kéo dài ra. Dòng thơ nào cũng kéo dài 12 tiếng để gợi sự dài rộng, to lớn của cánh đồng.
- Các điệp ngữ, đảo ngữ và phép đối xứng (*đúng bên ni đồng – đúng bên tê đồng, mênh mông bát ngát – bát ngát mênh mông*) : nhìn ở phía nào cũng thấy cái mênh mông rộng lớn của cánh đồng. Cánh đồng không chỉ rộng lớn mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống.

Câu hỏi 6

Hình ảnh cô gái trong hai dòng thơ cuối bài 4 :

- Cô gái được so sánh "như chén lúa đồng đồng, Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai". Cô gái với "chén lúa đồng đồng" và "ngọn nắng hồng ban mai" có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân.

- So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quả là nhỏ bé, mảnh mai. Nhưng chính bàn tay con người nhỏ bé đó đã làm ra cánh đồng "mênh mông bát ngát", "bát ngát mênh mông" kia. Trước cánh đồng rộng lớn, bát ngát, tác giả dân gian vẫn nhận ra cô gái đáng yêu. Những dòng thơ dài không che lấp những dòng thơ ngắn. Hai dòng cuối bài có vẻ đẹp riêng trong sự kết hợp với toàn bài.

- Ở hai dòng đầu ta mới chỉ thấy cánh đồng bao la, chưa thấy cái hồn của cảnh. Đến hai dòng cuối, hồn của cảnh đã hiện lên. Đó chính là con người, là cô thôn nữ mảnh mai, nhiều duyên thầm và đầy sức sống.

Câu hỏi 7

- a) Bài 4 là lời chàng trai. Người ấy thấy cánh đồng mênh mông bát ngát, "bát ngát mênh mông" và thấy cô gái với vẻ đẹp mảnh mai, trẻ trung, đầy sức sống.

Chàng trai đã ngợi ca cánh đồng, ngợi ca vẻ đẹp của cô gái (như đã phân tích). Đây là cách bày tỏ tình cảm với cô gái của chàng trai.

b) Có cách hiểu khác, cho rằng bài ca này là lời cô gái ; trước cánh đồng rộng lớn mênh mông, cô gái nghĩ về thân phận mình. Cô gái như "chẽn lúa đồng đồng, Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai", đẹp cái đẹp của thiên nhiên tươi tắn, trẻ trung, đầy sức sống,... nhưng rồi sẽ ra sao ? Nỗi lo âu của cô gái thể hiện rõ nhất ở từ "phất phơ" và ở sự đối lập : "Nắng sớm thì đẹp nhưng cánh đồng thì rất rộng mà chẽn lúa thì nhỏ nhoi, vô định giữa một biển lúa không bờ. Chẽn lúa phất phơ trong cánh đồng quá rộng này cũng như dài lụa đào phất phơ giữa chợ, không biết số phận mình sẽ được an bài như thế nào đây ?"⁽¹⁾.

c) Có thể có những cách hiểu khác. Tác phẩm nghệ thuật ngoài ý nghĩa khách quan, bao giờ cũng được cảm nhận chủ quan bởi người tiếp nhận. Vấn đề là *giải thích có lí sự* cảm nhận đó. Vì vậy, GV không nên gò ép cách hiểu của mình cho HS. Tuy nhiên, GV cần thông tin cho HS biết cách hiểu như đã nêu ở điểm a là phổ biến hơn.

Hoạt động 3. Hướng dẫn HS luyện tập.

– Các câu hỏi phần này giúp HS, sau khi đã phân tích từng bài, có cái nhìn bao quát chung cả chùm bài ca dao trong tiết học.

Bài tập 1, trang 40, SGK.

Nhận xét về thể thơ trong bốn bài ca

Ngoài thể thơ lục bát, ở chùm bài ca này còn có thể *lục bát biến thể* (bài 1 : số tiếng không phải là 6 ở dòng lục, không phải là 8 ở dòng bát ; bài 3 : kết thúc là dòng lục, chứ không phải là dòng bát như thường thấy), thể *thơ tự do* (hai dòng đầu của bài 4).

Bài tập 2, trang 40, SGK.

Tình cảm chung thể hiện trong bốn bài ca là tình yêu quê hương, đất nước, con người (GV nhắc lại tiêu đề tiết học).

– GV cần lưu ý HS : Trong ca dao, việc phân chia chủ đề chỉ là tương đối, có tính chất quy ước : tình yêu quê hương đất nước thường gắn với những tình cảm

(1) Trần Đình Sử (Chủ biên), *Phân tích – bình giảng tác phẩm văn học 7*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

khác ; ngược lại, những bài ca dao diễn tả những tình cảm khác vẫn có thể gợi nghĩ đến tình yêu quê hương, đất nước. Điều này thể hiện rõ ở các bài 1, 4.

GV yêu cầu HS làm thêm ở nhà những bài tập liên quan đến tiết học (xem sách Bài tập).

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ, ca dao, dân ca*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
2. Đỗ Bình Trị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
3. Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992.
4. Bùi Mạnh Nhị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, Sở Giáo dục An Giang, 1988.
5. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 4, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1995.